

Số: 11 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 25 tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH K-STAR VINA tại Văn bản số 25.5/CV-KSTAR ngày 25/6/2024 v/v đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Dự án “K-STAR VINA II”; Văn bản số 16.9/CV-KSTAR ngày 16/9/2024 v/v chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Dự án “K-STAR VINA II” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 225/TTr-TNMT ngày 25 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép môi trường cho Công ty TNHH K-STAR VINA địa chỉ tại Cụm công nghiệp Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư: “K-STAR VINA II” tại CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: K-STAR VINA II.

1.2. Địa điểm hoạt động: CCN Lương Điền, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 0801322746 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/05/2020,

đăng ký thay đổi lần thứ hai, ngày 22/5/2023. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 6514253616 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/08/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 19/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 0801322746.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các loại giày, dép thành phẩm, mũ giày, đế giày và lót giày dép các loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công và thuộc mục II.2, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Diện tích đất sử dụng: 8.716m² (*thuê nhà xưởng A-(3) và một phần nhà xưởng B4 của Công ty TNHH Vật liệu giấy An Dương*).

+ Sản xuất, gia công các loại giày, dép thành phẩm, mũ giày, đế giày và lót giày dép các loại với quy mô 3.000.000 đôi sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH K-STAR VINA được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH K-STAR VINA có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải

dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày 25/8/2028.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử của huyện;
- UBND xã Lương Điền;
- Cụm công nghiệp Lương Điền;
- Công ty TNHH K-STAR VINA;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11/GPMT-UBND

ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Vật liệu giấy An Dương, Công ty TNHH K-STAR VINA không xả nước thải trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Đối với nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn vệ sinh dụng cụ, thùng chứa keo, thùng chứa dung môi, cặn hóa chất được thu gom vào 6 thùng chứa loại 1000 lít/thùng, thuê xử lý theo chất thải nguy hại với tần suất 1 tháng/lần.

* Đối với nước thải sinh hoạt:

Công ty TNHH K-STAR VINA sử dụng 03 nhà vệ sinh chung với Công ty TNHH Vật liệu giấy An Dương. Nước thải từ các nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom bằng đường ống nhựa uPVC D110-140, D300 chảy vào hố thu gom cùng với các nguồn nước thải khác của Công ty TNHH Vật liệu giấy An Dương, sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải chung của Công ty TNHH Vật liệu giấy An Dương, xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của CCN Lương Điền.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Vật liệu giấy An Dương có quy mô công suất 60 m³/ngày đêm, xử lý đạt mức B của QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của CCN Lương Điền có quy mô công suất 1000m³/ngày đêm (hiện nay đang hoạt động 1 modul công suất 250 m³/ngày đêm).

- Thông số kỹ thuật của bể tự hoại: 03 bể, thể tích 12m³, 15m³ và 3m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- *Các biện pháp phòng ngừa sự cố:*

+ Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ chất bẩn,

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng khu vực thu gom và hệ thống thoát nước. Định kỳ hút bùn thải, tránh tồn đọng quá lâu ảnh hưởng đến hiệu quả thoát nước và phát sinh mùi hôi khó chịu. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- *Các biện pháp ứng phó khi sự cố xảy ra:*

+ Lập tức kiểm tra nguyên nhân gây sự cố.

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Công ty hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận hư hỏng. Trong trường hợp sự cố vỡ đường ống phải ngưng hoạt động làm phát sinh nước thải để tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, phối hợp với đơn vị cho thuê nhà xưởng đề xuất phương án xử lý hoặc thuê đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào tương ứng của hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Vật liệu giấy An Dương.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Công ty TNHH K-STAR VINA chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển và xử lý bùn bể tự hoại.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-UBND
ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

+ Nguồn số 1: Hơi dung môi hữu cơ từ khu vực máy sấy nhiệt, khu vực quét keo.

+ Nguồn số 2: Bụi từ hệ thống của máy mài 1.

+ Nguồn số 3: Bụi từ hệ thống của máy mài 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

+ Nguồn số 01: Nguồn thải từ hệ thống máy sấy nhiệt và khu vực quét keo (tại cùng một vị trí) được hút xử lý trực tiếp bằng than hoạt tính đi kèm đồng bộ với thiết bị, do đó không phát sinh thành dòng thải, sau xử lý trở thành nguồn mặt.

+ Nguồn số 02 và nguồn số 03 là 02 dòng thải bụi, khí thải tương ứng với hai hệ thống xử lý lọc bụi từ máy mài, công suất 5.800m³/h/hệ thống.

2.1. Vị trí xả khí thải: Có 02 điểm xả thải theo ống thải, tọa độ điểm xả thải theo tọa độ VN2000 (kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰):

+ Tọa độ nguồn thải từ hệ thống máy mài 1:

X(m): 2317582,68; Y(m): 569540,76

+ Tọa độ nguồn thải từ hệ thống máy mài 2:

X(m): 2317573,10; Y(m): 569536,82

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Tổng lưu lượng xả khí tối đa: 11.600 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng các quạt hút ly tâm; xả thải 8-10/24h.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT mức B, giá trị C_{max} với K_p=1; K_v=1,0).

Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT Mức B, C _{max} (K _p = 1; K _v = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT Mức B, C_{\max} ($K_p = 1$; $K_v = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ
3	NO _x	mg/Nm ³	850	đối tượng quan trắc định kỳ
4	CO	mg/Nm ³	1000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Đối với hơi dung môi từ khu vực máy sấy nhiệt, khu vực quét keo: phát sinh từ khu vực máy sấy, được hút vào hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính lắp đặt kèm theo thiết bị.

- Đối với bụi từ các dây chuyền mài: được thu gom bằng đường ống nhựa D150, dẫn vào đường ống thép DN400 vào 02 hệ thống xử lý bụi mài, công suất của mỗi hệ thống xử lý là 5800m³/h, đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thoát ra môi trường qua ống thoát có đường kính D400, chiều cao 8m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

* Đối với thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính

- Số lượng: 20 thiết bị (đi kèm 20 máy sấy)

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Sơ đồ công nghệ: Hơi dung môi → Quạt hút → Than hoạt tính → môi trường

- Thông số kỹ thuật: Quạt hút công suất 750W, lưu lượng 1100 m³/h; buồng than hoạt tính có kích thước 505x846x401,51(mm), trong đó có 6 tấm than hoạt tính gồm: loại 1 (4 tấm/thiết bị) kích thước của tấm than 445x400x50mm; kích thước hộp: 445x400x50mm; loại 2 (2 tấm/thiết bị) kích thước của tấm than 445x400x20mm; kích thước hộp: 445x400x20mm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 14 kg/thiết bị

* Đối với hệ thống xử lý bụi mài

- Số lượng: 2 hệ thống

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Sơ đồ công nghệ: Bụi từ các máy mài → Đường ống dẫn → Quạt hút → Cyclon → Ống thoát.

- Công suất thiết kế: 5.800m³/h/hệ thống

- Thông số kỹ thuật: Quạt hút công suất 7,5KW, lưu lượng 5800m³/h; Cyclon bằng thép Inox, hình trụ, đường kính D = 1,1m; Chiều cao H = 4,7m; Ống thoát khí bằng thép, chiều cao H=8m, đường kính DN400.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- + Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.
 - + Lập quy trình vận hành cho hệ thống xử lý khí thải.
 - + Định kỳ kiểm tra chất hấp phụ, định kỳ 3-6 tháng/lần thay thế chất hấp phụ, chất hấp phụ thải được thu gom theo chất thải nguy hại.
 - + Tiến hành kiểm tra toàn bộ các thiết bị trước mỗi ca làm việc.
 - + Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.
 - + Dự phòng các thiết bị để thay thế kịp thời khi có sự cố xảy ra
- Các biện pháp ứng phó khi sự cố xảy ra:
- + Lập tức kiểm tra nguyên nhân gây sự cố.
 - + Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.
 - + Trong trường hợp thời gian khắc phục sự cố vượt quá 3 giờ thì Công ty sẽ dừng hoạt động của các công đoạn phát sinh khí thải đến khi khắc phục xong sự cố mới hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống lọc bụi máy mài với tổng công suất 11.600 m³/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Điểm quan trắc trên ống thải của hệ thống lọc bụi máy mài.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống lọc bụi máy mài theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Công ty TNHH K-STAR VINA chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải, bụi để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-UBND
ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại nhà xưởng sản xuất
- Nguồn số 02: Tại khu vực hệ thống xử lý bụi máy mài

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- + Nguồn số 01: Tọa độ: X(m): 2317597,89; Y(m): 569496,13
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X(m): 2317585,17; Y(m): 569537,05

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT); độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT). Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
			6h-21h	21h-6h		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: lắp bộ máy riêng cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp các bộ tắt chấn động lực, dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung...
- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.
- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ...
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn mà Công ty đã đặt ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo

nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-UBND
ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	22	08 02 04
2	Giẻ lau, gang tay dính TPNH	Rắn	158	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	30	16 01 06
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa TPNH	Rắn	525	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa TPNH	Rắn	840	18 01 03
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, cặn dầu thủy lực	Lỏng	525	17 02 03
7	Nước thải có chứa TPNH (nước thải vệ sinh dụng cụ, thùng chứa hóa chất...)	Lỏng	69,600	08 03 03
8	Than hoạt tính thải	Rắn	1120	12 01 04
	Tổng khối lượng		72,820	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTTT
1	Bavia, đế giày nhựa, dép hồng, bụi mài	131.250	03 02 12
2	Bavia, đế giày cao su, dép hồng, bụi mài	126.000	03 02 11
3	Bao bì bằng nhựa hồng	2625	18 01 06
4	Bao bì bằng giấy hồng	5775	18 01 05
5	Nhóm gỗ: Pallet gỗ, gỗ vụn	1260	18 01 07

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTTT
	Tổng	264.285	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 153,8 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực chứa chất thải nguy hại diện tích 20m² nằm về phía cuối xưởng B4, tường xây gạch, có biển báo CTNH theo quy định, bên trong chứa các thùng có nắp đậy, dán nhãn CTNH đối với từng loại. Trang bị các thùng chứa trong để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật

- Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường của Dự án diện tích 40m², nằm về phía cuối xưởng B4, có biển báo theo quy định. Trang bị các thùng chứa trong kho để thu gom, lưu giữ chất thải thông thường.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Đối với chất thải tái chế được thu gom bán tái chế cho đơn vị có chức năng.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Đặt các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải sinh hoạt, số lượng 28 thùng, dung tích từ 20 – 120 – 200 lít/thùng để thu gom chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 11 /GPMT-UBND

ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với Giấy phép này.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.